

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 16 /2023/KDTM-ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng thi công”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương
2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2022/TLST – KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST- HPT ngày 23-8-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y

Địa chỉ: số Lê Văn Q, phường A, quận BT, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tr- Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1988 (có mặt) và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường số M, phường HA, quận BT, Thành phố H

Bị đơn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S

Địa chỉ: Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức K- Tổng Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: đường T, phường K, quận P, Thành phố H

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H, chủ tịch HĐQT (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 1 H, phường T, quận Ph, Thành Phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16-12-2019, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y (viết tắt là Công ty Y) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S (viết tắt là Công ty S) có ký Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP. Công việc Công ty S giao cho Công ty Y là thực hiện thi công xây dựng hạng mục số 15: Nhà tiếp nhận- tách lọc (Khu X1, X2, X3) thuộc công trình khu liên hợp xử lý rác thải Quảng Trị. Giá trị của hợp đồng là 39.895.309.000 đồng.

Theo điều 5 của hợp đồng thì Công ty Y phải ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng với số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), cũng theo quy định tại điều 5 của hợp đồng thì sau khi ký quỹ xong, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Công ty S sẽ cho Công ty Y tạm ứng tiền để thi công. Ngày 17-12-2019, Công ty Y đã chuyển tiền ký quỹ cho người đại diện theo pháp luật của Công ty S là ông Đỗ Đức K.

Sau 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn chuyển tiền ký quỹ, Công ty S vi phạm điều 5 của hợp đồng thì ông Tr là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn gọi điện thoại, gặp trực tiếp với ông K để trao đổi về vấn đề hợp đồng, do trễ ngày thanh toán (tiền tạm ứng và trả lại tiền ký quỹ) ông Tr yêu cầu ông K trả lại tiền ký quỹ. Ông K có hứa hẹn gia hạn thêm 1- 2 tháng thì chủ đầu tư sẽ cho thi công, sau nhiều lần hứa hẹn ông K không thực hiện. Ngày 17 tháng 01 năm 2020, ông Tr gọi điện thoại, nhắn tin, trao đổi trực tiếp với ông K và yêu cầu hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu trả tiền ký quỹ và một phần tiền lãi do chậm thanh toán nhưng bị đơn cho đến nay vẫn không thanh toán trả lại cho nguyên đơn số tiền trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì vậy, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S và yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu tòa án chấm dứt Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S

2. Yêu cầu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 718.450.000đ (bảy trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó bao gồm tiền gốc ký quỹ 500.000.000đ, tiền phạt vi phạm 40.000.000đ ($500.000.000đ \times 8\%$) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17-01-2020 đến ngày 17-8-2023 (43 tháng) với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) 178.450.000đ;

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác

Bị đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S do ông Đỗ Đức K là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 02-12-2019, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S và Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại M (viết tắt là Công ty M; do ông Nguyễn Quang H, chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật) có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 19/2019/HĐKT trong đó chủ đầu tư là Công ty M và nhà thầu là Công ty S.

Theo nội dung của hợp đồng, Công ty S nhận thầu và thi công các hạng mục 15: Nhà tiếp nhận- tách lọc (Khu X1, X2, X3) thuộc công trình khu liên hợp xử lý rác thải Quảng Trị và hạng mục 23: Cây xanh thuộc công trình khu liên hợp xử lý rác thải Quảng Trị; địa điểm xây dựng phường 3, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Q, tổng diện tích dự án là 91.960m² (10ha). Về khối lượng công việc được quy định chi tiết tại Bảng tổng hợp giá trị và khối lượng. Bảng tổng hợp này là cơ sở để hai bên tiến hành nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng. Giá trị của hợp đồng tạm tính là 70.000.000.000 đồng.

Thời gian hoàn thành của hợp đồng: nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này là 180 ngày kể từ ngày khởi công như quy định tại Điều 6.2 của hợp đồng. Theo điều 9.1 của hợp đồng thì trong vòng 03 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng, Công ty S phải ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng với số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ngày 03-12-2019, Công ty S đã chuyển tiền ký quỹ cho người đại diện theo pháp luật của Công ty M.

Để thực hiện dự án trên, bị đơn xác nhận, ngày 16-12-2019, Công ty Y và Công ty S có ký Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612. Công việc Công ty S giao cho Công ty Y là thực hiện thi công xây dựng hạng mục số 15: Nhà tiếp nhận- tách lọc (Khu X1, X2, X3) thuộc công trình khu liên hợp xử lý rác thải Quảng Trị. Giá trị của hợp đồng là 39.895.309.000 đồng.

Theo điều 5 của hợp đồng thì Công ty Y phải ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng với số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và ngày 17-12-2019, Công ty Y đã chuyển tiền ký quỹ cho bị đơn, cũng theo quy định tại điều 5 của hợp đồng thì sau khi ký quỹ xong, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Công ty S sẽ cho Công ty Y tạm ứng tiền để thi công và trả tiền ký quỹ cho nguyên đơn nhưng do dịch bệnh nên chủ đầu tư Công ty M gặp rất nhiều khó khăn, chưa thể triển khai dự án. Vì vậy, Công ty S không triển khai được dự án. Vì vậy, Công ty S không thực hiện được cam kết như hợp đồng với Công ty Y.

Sau khi thấy dự án không có khả năng triển khai, khoảng tháng 3-2022, ông K và ông Tr có trao đổi là đồng ý chấm dứt hợp đồng, đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng tiền ký quỹ nhưng do bản thân gặp khó khăn nên ông chưa trả. Bị đơn xác nhận, số tiền 500 triệu đồng ký quỹ của Công ty Y bị đơn không dùng việc cá nhân mà chuyển khoản cho Công ty M.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến:

- Đồng ý chấm dứt Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S

- Đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc ký quỹ là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng);

- Không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi chậm trả. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) là tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi; lý do lỗi vi phạm hợp đồng không phải hoàn toàn do bị đơn. Tổng cộng, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng)

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu nào khác

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại M đã Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu tòa án:

Chấm dứt Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16/12/2019 giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S; yêu cầu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 718.450.000đ (bảy trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó bao gồm tiền gốc ký quỹ 500.000.000đ, tiền phạt vi phạm 40.000.000đ (500.000.000đ x 8%) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19-9-2023 (làm tròn 43 tháng) với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) 178.450.000đ;

Bị đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S do ông Đỗ Đức K là người đại diện theo pháp luật trình bày: đồng ý chấm dứt Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019; Bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn tổng số tiền 629.225.000đ gồm 500.000.000đ tiền ký quỹ, 40.000.000đ tiền phạt vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán 89.225.000đ (tức ½ của số tiền 178.450.000đ);

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã có ký kết Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019. Theo đó, để đảm bảo thực hiện hợp đồng các bên thỏa thuận ngay sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn chuyển 500.000.000đ (năm trăm triệu) tiền ký quỹ cho bị đơn và bị đơn trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận tiền ký quỹ phải tạm ứng tiền thi công cho nguyên đơn. Việc bị đơn nhận tiền ký quỹ nhưng không khởi công dự án và tạm ứng tiền cho nguyên đơn và đến thời điểm hiện nay bị đơn không trả lại cho nguyên đơn số tiền ký quỹ là vi phạm điều 5 của hợp đồng, nguyên đơn căn cứ điều 8 của hợp đồng để yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 và yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc, tiền lãi vi phạm tiền ký quỹ và lãi chậm thanh toán là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y yêu cầu tòa án chấm dứt hợp đồng số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 và yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc, tiền phạt vi phạm tiền ký quỹ và lãi chậm thanh toán của hợp đồng thi công số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tòa án nhân dân thành phố V thấy rằng, bị đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S có địa chỉ trụ sở Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V, tỉnh B nên căn cứ theo quy định tại Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và Công ty cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng Công ty M.

[2.]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y

[2.1] Xét hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 giữa Công ty Y và Công ty S

Hợp đồng 1612 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ bắt buộc thực hiện giữa các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp đồng thi công số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019;

Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp đồng thi công số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 và bị đơn đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc ký quỹ với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)

Nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 và nguyên đơn chuyển cho bị đơn số tiền ký quỹ là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo ủy nhiệm chi ngày 17-12-2019 và điều này được chính các đương sự tự thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc bị đơn chưa trả số tiền gốc này cho nguyên đơn là được bị đơn thừa nhận; nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền phạt vi phạm trên số tiền nguyên đơn đã ký quỹ cho bị đơn.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng 1612 về phạt vi phạm hợp đồng, Công ty S phải chịu lãi suất phạt theo điểm 7.1 của hợp đồng 1612 “bên A sẽ bị phạt với mức lãi suất quá hạn của ngân hàng BIDV nếu thanh toán không đúng quy định tại điều 5” với số tiền phải chịu lãi suất là 500.000.000đ tiền ký quỹ và khoản tạm ứng 10% giá trị hợp đồng cho Công ty Y.

Theo quy định tại điều 5.2 của Hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 các bên có thỏa thuận “kể từ ngày bên B đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế xong thì trong vòng 15 ngày làm việc. Bên A sẽ cho bên B tạm ứng tiền để thi công. Nếu quá thời gian này mà bên A không tạm ứng tiền để thi công thì đại diện bên A sẽ hoàn trả lại cho bên B số tiền ký quỹ đồng thời bên A phải chịu mức phạt là 1%/ngày trên giá trị tiền mà bên B đã nộp ký quỹ”.

Tuy nhiên việc nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo Điều 310 Luật thương mại, với giá trị ký quỹ 500.000.000đ, tương đương số tiền phạt là 40.000.000đ là có lợi cho bị đơn và cũng được bị đơn đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi chậm thanh toán

Về tiền lãi do chậm thanh toán: Hai bên không cam kết việc tính tiền lãi chậm thanh toán trong hợp đồng nhưng theo quy định của pháp luật những vấn đề không có trong hợp đồng thì sẽ áp dụng quy định chung. Điều 306 Luật thương mại quy định nếu bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi chậm thanh toán nên được chấp nhận.

[2.5.1] Về thời điểm tính lãi:

Theo điều 5 của hợp đồng 1612 “Kể từ ngày bên B đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế xong thì trong vòng 15 ngày làm việc, bên A sẽ cho bên B tạm ứng tiền để thi công thì đại diện bên A sẽ hoàn trả lại cho bên B số tiền đã ký quỹ...”

Như vậy, thời điểm mà Công ty S phải thanh toán lại số tiền ký quỹ cho Công ty Y là sau 15 ngày làm việc; nếu bị đơn không thực hiện theo đúng cam kết tại điều 5 thì bên nguyên đơn có quyền yêu cầu được trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, nguyên đơn tính thời điểm chậm thanh toán là ngày 18-01-2020 căn cứ vào điều 8 của hợp đồng 1612 “Bên B được chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại điều 5 vượt quá 30 ngày” điều này có lợi cho bị đơn nên được tòa án ghi nhận.

[2.5.2] Về thời gian chịu lãi chậm thanh toán: như phân tích ở trên, số tiền 500.000.000 đồng có thời gian chậm thanh toán từ ngày 18-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (19-09-2023) là 03 năm 08 tháng 01 ngày (tức là 1321 ngày), thuộc loại vay trung hạn. (nguyên đơn làm tròn 43 tháng)

[2.5.3] Về mức lãi suất áp dụng

Điều 306 Luật thương mại quy định nếu bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc thù lao dịch vụ thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo đó lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Theo Ấn lệ số 09/2016/AL ngày 17-10-2016 và Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là trung bình của ba ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Theo cung cấp của ba ngân hàng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) cho Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất cụ thể như sau:

Ngân hàng Agribank: Mức lãi suất quá hạn loại vay trung hạn là 13.8%/năm (9,2 % x 150%) (tính trung bình);

Ngân hàng Vietcombank: Mức lãi suất quá hạn loại vay trung hạn là 15.45%/năm (10.3% x150%) (tính trung bình);

Ngân hàng Vietinbank: Mức lãi suất quá hạn loại vay trung hạn là 18.75%/năm (12,5%% x150%) (tính trung bình);

Như vậy mức lãi suất quá hạn trung bình là 16 %/năm [(13.8% + 15.45% + 18.75%)/3]. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 10%/năm (0.83%/tháng) là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 18-01-2020 đến 19-9-2023 (làm tròn 43 tháng) là 500.000.000đ x 0.83%/tháng x 43 tháng = 178.450.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật S phải thanh toán cho Công ty TNHH Y là 718.450.000 đồng (500.000.000 đồng + 178.450.000đ + 40.000.000đ).

Bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn 629.225.000đ gồm 500.000.000đ tiền ký quỹ, 40.000.000đ tiền phạt vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán 89.225.000đ (tức ½ của số tiền 178.450.000đ) nhưng không có tài liệu chứng cứ về việc chỉ trả 1/2 số tiền lãi chậm thanh toán là có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 418, 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 301, 306, 319 Luật thương mại năm 2005, Án lệ số 09/2016/AL ngày 17-10-2016 và nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Tòa án nhân dân tối cao

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S về việc “Tranh chấp Hợp đồng thi công”:

1. Chấm dứt hợp đồng thi công thầu phụ số 1612/2019/SVC-HĐTP ngày 16-12-2019 giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S;

2. Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y tổng số tiền là 718.450.000 đồng (bảy trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng); trong đó tiền nợ gốc ký quỹ là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tiền phạt vi phạm hợp đồng trên số tiền ký quỹ là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19-9-2023 (làm tròn là 43 tháng) là 178.450.000đ (một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và xây dựng S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.738.000 đồng (ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng Y là 21.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003404 ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. V;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS Tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngát

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hải Đặng Song Hoàn

Bùi Thị Ngát